

VÀI NÉT VỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC THỰC HÀNH DỊCH TẠI KHOA NGÔN NGỮ & VĂN HOÁ TRUNG QUỐC NHỮNG NĂM QUA

NGUYỄN VĂN ĐỒNG
Khoa Ngôn ngữ & Văn hoá TQ

I. Đặt vấn đề

Đánh giá chất lượng là vấn đề rất lớn của công tác đào tạo. Đánh giá như thế nào để có được bài học khách quan đúng đắn, làm chỗ dựa cho việc không ngừng nâng cao chất lượng công việc. Kiểm tra đánh giá chất lượng của một ngành đào tạo nào đó, theo chúng tôi là phải đánh giá được kết quả hoạt động truyền đạt của người dạy và hoạt động tiếp thu của người học. Nhưng sự kiểm tra đánh giá lấy nay vẫn thực hiện chỉ được tiến hành ở phạm vi hoạt động tiếp thu của người học, còn việc kiểm tra đánh giá kết quả của người dạy thì chưa ở đâu làm và cũng chưa có ai đặt vấn đề thực hiện.

Trong 3 yếu tố làm nên chất lượng đào tạo là: *thầy – trò – cơ sở vật chất (giáo trình)*, thì hai yếu tố trên là quan trọng hơn cả. Có cơ sở vật chất (giáo trình) tốt, có thầy dạy tốt, mà trò không chăm, cũng không có chất lượng tốt; và ngược lại, có giáo trình tốt, học trò chăm, nhưng thầy dạy không tốt thì cũng không có thể có chất lượng tốt được.

Trong khuôn khổ bài viết này, tôi chỉ xin trình bày một cách sơ bộ về thực trạng giảng dạy và công tác kiểm tra đánh giá bộ môn dịch tại khoa Ngôn ngữ & văn hoá Trung Quốc mấy năm qua.

Chúng ta đều biết, theo cách hiểu của nhiều chuyên gia giáo dục trên thế giới thì *đánh giá* là một phần của chương trình đào tạo vẫn chỉ coi chương trình đồng nhất với nội dung. Chúng tôi cho rằng một ngành học nào đó trước hết phải vì một mục tiêu nào đó, từ mục đích ấy mới xác định nội dung, có nội dung rồi thì mới nghiên cứu phương pháp giảng dạy, và cuối cùng là kiểm tra đánh giá chất lượng đào tạo.

II. Thực trạng của công tác giảng dạy và đánh giá môn học thời gian qua

Từ nhiều năm nay, bên cạnh nhiệm vụ đào tạo sư phạm, trường chúng ta cũng đã có thêm hệ đào tạo phiên dịch. Như vậy, mục tiêu đào tạo của trường ta nói chung, và khoa ta nói riêng, đã được xác định thêm là đào tạo cán bộ phiên dịch phục vụ cho công cuộc xây dựng mới của đất nước.

Để đáp ứng mục tiêu ấy, những năm qua trên cơ sở nội dung hiện có. Bộ môn chúng tôi cũng đã gấp rút chỉnh lý, biên soạn lại và cuối cùng là vào cuối năm 1997 đầu 1998, chúng tôi cũng đã cho ra đời bộ giáo trình dịch hoàn chỉnh cho cả hai kỹ năng *dịch ngược* và *dịch xuôi*. Sau hai năm thực nghiệm, giáo trình đã được Hội đồng khoa học của khoa và của trường thẩm định, nghiệm thu, chính thức đưa vào sử dụng. Trong quá trình biên soạn giáo trình, chúng tôi luôn quán triệt phương châm: *Việt Nam – Cơ bản – Hiện đại*, nghĩa là ngữ liệu của giáo trình phải gắn với thực tế Việt Nam, phải là những ngữ liệu chuẩn, cơ bản về ngôn ngữ chính thống, và phải cập nhật được với tình hình các mặt gần nhất ở cả trong và ngoài nước. Giáo trình gồm hai phần: *phần cứng* (sách in phát cho sinh viên), và *phần mềm* (tài liệu nghe nhìn gồm băng Video, băng Cassetts khai thác từ các chương trình phát thanh, truyền hình tổng hợp của các đài TW Trung Quốc, và những tài liệu viết tay khai thác từ sinh viên các khoá đã ra trường ở tất cả mọi lĩnh vực). Vì điều kiện mà phần mềm của giáo trình này chúng tôi mới chỉ thực hiện được ở hai khoá đào tạo 28 và 29. Tuy nhiên chưa tổng kết đánh giá, song qua thực hiện, cả giáo viên và sinh viên đều cảm thấy rất hiệu quả.

Có giáo trình (nội dung), rồi, vấn đề tiếp theo là xử dụng giáo trình như thế nào, hay nói cách khác là phương pháp giảng dạy giáo trình như thế nào là vấn đề cần được quan tâm đúng mức. Thời gian qua, vấn đề này chúng tôi mới chỉ dừng lại ở chỗ ai hiểu sao thì dạy vậy, chưa quy định thành phương pháp thống nhất. Có người triệt để khai thác giáo trình như một cấu trúc hạt nhân, từ đó phát triển thành kỹ năng cho sinh viên, cũng có người chỉ dừng lại ở mức độ giải mã giáo trình (hướng dẫn sinh viên thực hiện trọn vẹn nội dung bài học).

Do chưa có phương pháp thống nhất, nên công tác đánh giá sự tiếp thu của sinh viên cũng chưa có tiêu chí thống nhất. Về mặt này, mỗi người có một cách đánh giá khác nhau, có người thỉnh thoảng cho sinh viên làm bài kiểm tra viết, thu về nhà chấm, giờ sau lên lớp chữa tập thể. Cũng có người chỉ tiến hành đánh giá tại chỗ, sau cho nhận xét chung... Chúng tôi cho rằng đây là một thiếu sót của Tổ bộ môn trong việc chỉ đạo thống nhất việc thực hiện thường xuyên kiểm tra đánh giá kết quả môn học.

Ở một số trường khác, công tác kiểm tra đánh giá được xem như một biện pháp tích cực giúp nâng cao chất lượng. Một năm học sinh viên phải trải qua 4 thời kỳ thi. Ngoài hai thời kỳ thi học phần chính thức ra, sinh viên còn phải tham gia hai kỳ thi giữa kỳ I và II nữa. Điểm của hai thời kỳ thi giữa kỳ này có tính chất tham khảo để đánh giá kết quả cuối mỗi thời kỳ và cả năm học. Chúng tôi cho rằng việc làm đó cũng có tác dụng thúc đẩy nhất định đối với việc giảng dạy và học tập trong nhà trường. Chúng tôi cho rằng thường xuyên kiểm tra trên lớp bằng các bài tập ngắn theo từng chủ điểm cũng sẽ là biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng học tập của học sinh. Song có điều là hình thức kiểm tra như thế nào, nội dung kiểm tra ra sao và tiêu chí đánh giá nên như thế nào v.v.. là điều ta phải đầu tư suy nghĩ.

Qua một số năm trực tiếp giảng dạy và thực hiện kiểm tra đánh giá thông qua các thời kỳ thi học phần và không phải là học phần, chúng tôi thấy nổi lên mấy vấn đề chính sau đây:

- * Hình thức đánh giá (ra đề)
- * Tiêu chí đánh giá.

Về hình thức ra đề, thường bao gồm hai hình thức: *nói và viết*. Ở cả hai hình thức ấy, bao giờ cũng gồm hai phần *dịch ngược* và *dịch xuôi*. Mỗi khi ra đề, chúng tôi thường xuyên lấy tiến bộ của nội dung chương trình làm căn cứ, từ đó sưu tầm những tài liệu của cả tiếng. Việt lẫn tiếng Hán có nội dung phù hợp để ra đề. Điều này đòi hỏi phải rất mất công và kiên trì. Trong thực tế chúng tôi đã không chủ trương lấy đề ra cho khoá trước áp dụng cho khoá sau, bởi lẽ không đảm bảo được tính cập nhật kiến thức, và còn bởi lẽ đề thi đã không còn là bí mật nữa.

Về tiêu chí đánh giá, chúng tôi cho rằng đánh giá kết quả của môn thực hành dịch phải là sự đánh giá tổng hợp các kỹ năng ngoại ngữ như: nghe, nói, đọc hiểu và vận dụng kiến thức ngữ pháp thực hành của sinh viên, đồng thời còn bao gồm cả đánh giá kiến thức xã hội nói chung của họ nữa.

Trong giờ dịch, gọi sinh viên đứng dậy đọc một câu cầu dịch (cả tiếng Trung lẫn tiếng Việt), ta sẽ thấy ngay được một thực tế là sinh viên nào hiểu và dịch được, đọc khác; sinh viên nào không hiểu và không thể dịch được, họ đọc cũng khác. Và cũng qua đáp án câu dịch ấy, chúng ta có thể biết được sinh viên nào hiểu, vận dụng đúng nghĩa từ Hán đã học, nắm chắc kiến thức ngữ pháp tiếng Trung cũng như am hiểu tiếng mẹ đẻ hơn.

Theo chúng tôi, nếu chỉ dựa vào kết quả các kỳ thi học phần để đánh giá chất lượng giảng dạy thì chưa đủ, mà việc làm này phải được tiến hành thường xuyên hàng ngày, trong ngay mỗi tiết học cụ thể. Trong quá trình giảng dạy ở một lớp nào đó, giáo viên bộ môn phải nắm được đặc điểm học tập chung của cả lớp, có kế hoạch chỉ đạo việc học tập đạt kết quả.

Trong quá trình giảng dạy vừa qua, chúng tôi bước đầu đã tập hợp được một số những lỗi điển hình mà sinh viên ta hay mắc trong dịch nói cũng như dịch viết sau đây:

1. Lỗi lạm dụng âm Hán Việt

Chúng ta đều biết, do quan hệ lịch sử lâu đời mà trong tiếng Việt của chúng ta có tới 70 – 80% yếu tố Hán Việt. Đây là điểm rất thuận lợi cho chúng ta những người học tập và làm công tác tiếng Trung. Song nó có cũng là một trở ngại rất lớn, bởi lẽ trong số lượng lớn yếu tố Hán có trong tiếng Việt như vậy, có rất nhiều yếu tố người Việt ta chỉ mượn âm Hán thôi, mà không mượn nghĩa Hán. Ví dụ: “Khốn nạn” - Kun nan; “bác sĩ” - Bo shi; “đáp đề” - Dao di; “tranh cử”; “tổng tuyển cử”; “ngoại thương”; “giám đốc”, v.v... Những từ kiểu như thế này, ý nghĩa của chúng trong tiếng Hán và Việt là hoàn toàn không có liên quan gì đến nhau.

Dưới đây là một số lỗi điển hình về mặt này:

Ví dụ: a. – Ren quan wei yuan hui shi lian he guo de zhuan men ji gou zhi yi.

Sinh viên thường dịch là: Ủy ban nhân dân quyền là một trong những cơ cấu chuyên môn của Liên hợp quốc. Dịch như vậy là sai. Ở đây từ Ji gou phải dịch là: cơ quan mới đúng).

b. - ...tiao zheng jing ji jie gou: Sinh viên thường dịch là: ... điều chỉnh kết cấu kinh tế là sai. Ở đây từ Jie gou phải dịch là: cơ cấu. Ta thường nói: “Điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

c....tiao zheng chan ye jie gou. Sinh viên dịch là: điều chỉnh kết cấu sản nghiệp (sai). Phải dịch là: điều chỉnh cơ cấu ngành nghề.

d.Bu tong yi jian. Sinh viên thường là: bất đồng ý kiến (sai). Phải dịch là: ý kiến khác nhau. Còn “bất đồng ý kiến” thì tiếng Trung phải nói là:

Những từ Hán sinh viên ta thường hay dịch nhầm là:

Bu tong: (bất đồng): dịch sang tiếng Việt phải là: khác nhau

Chan ye: (sản nghiệp)

: ngành nghề

Jie gou: (kết cấu)

: cơ cấu

Qi ye: (xí nghiệp)

: doanh nghiệp

Pu bian: (phổ biến)

: rộng rãi, nhìn chung. Chỉ khi

nào là tính từ mới dịch là “phổ biến”. Còn từ “phổ biến” trong “phổ biến nghị quyết...” phải dịch là Chuan da ...de jue yi. “phổ biến vũ khí hạt nhân” phải dịch là: Kuo san he ưu qí. v.v...

Cũng có những từ Hán, nếu dịch thẳng bằng âm Hán Việt cũng có thể được, nhưng dịch bằng một từ thuần Việt thì hiệu quả sẽ cao hơn nhiều, loại từ này sinh viên cũng hay nhầm lẫn. Ví dụ:

Ya li (áp lực), thuần Việt là: sức ép

Bian hua (biến hoá),

: thay đổi

Fa biao (phát biểu),

: đưa ra

Nei lu (nội lực),

: đất liền

jie shou (tiếp thụ),

: tiếp thu

Zhong da (trọng đại),

: to lớn

Zhong yao (trọng yếu),

: quan trọng

v.v...

2. Lỗi về phương pháp dịch. Do không nắm được “dịch là quá trình tái hiện nội dung nguyên tắc bằng một ngôn ngữ khác”, cho nên thường dịch theo mặt chữ, bất chấp dịch văn có ổn hay không.

Ví dụ:

a....you qi shi jie jue fa zhan zhong guo jia dai biao xing yan zhong bu zu de wen ti
(Giáo trình dịch Hán Việt năm thứ 3, tập I, trang 5)

Học sinh đã dịch:..... "nhất là giải quyết vấn đề không đủ nghiêm trọng tính đại biểu của đất nước đang phát triển." Không ổn.

Phải dịch là: "... vấn đề thiếu nghiêm trọng đại diện của..."

b. Bu shi chui niu kua zhang, wo shi he xiao mi tang zhang da de. (Giáo trình dịch Hán Việt năm thứ 3 tập 2, trang 24)

Học sinh đã dịch "... tôi uống cháo kê lớn lên". Không ổn.

Phải dịch là: "... tôi lớn lên nhờ cháo kê".

Qua một vài ví dụ trên, chúng tôi muốn chỉ ra một điều là trong quá trình dịch ngược hoặc dịch xuôi, sinh viên của chúng ta thường chỉ quan tâm đến mặt chữ hiện diện trong bài, chứ ít khi chú ý đến yếu tố nội dung mà những từ ngữ ấy định diễn đạt.

3. - Lỗi về không nắm được tập quán biểu đạt của ngoại ngữ lẫn tiếng mẹ đẻ, thường áp đặt tập quán biểu đạt của tiếng nước ngoài cho tiếng mẹ và ngược lại.

Ví dụ:

a- Ren quan wei yuan hui xian you cheng yuan 53 ming, you lian he guo jing she li shi hui an di qu fen pei yuan ze xuan ju chan sheng, ren qi 3 nian.

(Giáo trình dịch Hán Việt năm thứ 3 tập I, trang 1)

Sinh viên thường dịch: "....., do hội đồng kinh tế xã hội của LHQ theo nguyên tắc phân phối khu vực bầu, nhiệm kỳ 3 năm." Không ổn.

Câu trên phải là: "..... do hội đồng kinh tế xã hội của LHQ bầu ra theo nguyên tắc phân chia khu vực, nhiệm kỳ 3 năm".

b. Ren men pu bian dui zheng fu de chang huan neng li chi huai yi tai du.

(Giáo trình dịch Hán Việt năm thứ 4, tập II, trang 41)

Sinh viên thường dịch là: "Mọi người phổ biến đối với năng lực chỉ trả của chính phủ giữ thái độ hoài nghi". Không ổn.

Cần phải dịch lại là: "Mọi người nhìn chung tỏ thái độ hoài nghi về khả năng thanh toán của nhà nước".

4. Lỗi do kiến thức xã hội kém, ít am hiểu tiếng mẹ đẻ. Có một thực tế tưởng như đùa là, không ít sinh viên của chúng ta không hiểu cặn kẽ được những khái niệm như: Nhà nước, Đảng, Bộ chính trị, Tổng bí thư.v. Trong một số lần kiểm tra viết đối với sinh viên, chúng tôi đã có trong tay những câu dịch mà mình cảm thấy thất vọng đến không thể lý giải nổi.

Ví dụ:

a. 1992 nian 2 yue, Yue gong zhong yang zong shu ji Li Kepiao yi fang wen Zhong Guo.

Em H sinh viên lớp K31E dịch: "Tháng 12 năm 1999, đồng chí Lê Khả Phiêu Tổng bí thư nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã sang thăm TQ." Khi trả bài, gọi em ấy đứng dậy dịch lại, em cũng vẫn nói như đã viết.

b. Jin tian shang wu zai zhu xi fu, Yue Nan guo jia zhu xi Chen Deliang yi hui jian Zhong gong zhong yang zheng zhi ju chang wei, guo jia fu zhu xi Hu Jintao.

+ Một sinh viên đã dịch: 'Sáng nay, tại phủ chủ tịch, Chủ tịch nước Việt Nam Trần Đức Lương đã tiếp Đảng uỷ cục chính trị TW đảng nước Cộng hoà nhân Trung Hoa Hồ Cẩm Đào'.

+ Cũng như trên một sinh viên khác dịch: "..... tiếp thường uỷ cục chính trị TW nước Cộng hoà nhân Trung Hoa Hồ Cẩm Đào".

+ Một sinh viên khác lại dịch: "..... tiếp phó chủ tịch nước Đảng cộng sản TQ Hồ Cẩm Đào".

c. Zheng ru lian he guo mi shu zhang An Nan suo shuo de: "Shi jie zheng zai zuo xiangde đại biao."

Em V.A lớp K31E dịch: “Đúng như đồng chí Tổng bí thư LHQ An – nam đã nói

“.....”

d. Wo men yao wei jian li yi ge he ping gong zheng de she hui er nu li.

Em H. Cũng lớp trên đã dịch: “Chúng ta phải vì xây dựng một xã hội hoà bình công chính mà phấn đấu.” v.v.... và v.v...

Nguyên nhân của những lỗi kể trên có nhiều, song theo chúng tôi thì chủ yếu gồm mấy nguyên nhân chính sau đây:

- Ngoại ngữ là môn học đòi hỏi ít nhiều phải có năng khiếu. Do không có năng khiếu, mà một số sinh viên thi được vào trường ta hẳn hoi, nhưng kết quả học tập lại không khá hơn, thậm chí còn kém cả những sinh viên các trường không chuyên hoặc sinh viên trường dân lập cùng trang lứa.

- Sinh viên chưa có phương pháp học ngoại ngữ, học tập chưa chăm chỉ, chưa ý thức được rằng: học giỏi ở trường là để sau này ra đời lập nghiệp. Vì vậy mà học tập cầm chừng, học theo cách đối phó, học cho qua chuyện v.v..

- Khâu kiểm tra đánh giá chưa đi vào nền nếp thường xuyên, nghĩa là còn thiếu những cái lích cần thiết để sinh viên học tập đạt kết quả tốt hơn.

III. Tiêu chí và kết quả sơ bộ của công tác đánh giá:

Trong thực tế giảng dạy cũng như trong kiểm tra đánh giá, chúng tôi kiên trì tiêu chí truyền thống về đánh giá đối với một bản dịch là: tín - đạt - nhã. Nghĩa là một bản dịch phải trung thành với nguyên bản về mặt ý nghĩa, phải lưu thoát chau chuốt về mặt ngôn từ. Một bản dịch dù hay đến mấy song “không đội trời chung” với nguyên bản; hoặc một bản dịch rất trung thành với nguyên bản, song ngôn từ lủng củng, tối nghĩa đều được coi là không đạt yêu cầu.

Với những lỗi trên đây của sinh viên, chúng tôi có phân loại đánh giá:

- Lỗi thứ nhất (lạm dụng âm Hán Việt) là lỗi cấu thả, có thể rèn để họ khắc phục được.

- Lỗi thứ 2,3 và 4 là những lỗi về năng khiếu học ngoại ngữ, lỗi về trình độ tiếp thu, về còn một phần do sự non yếu trong kiến thức phổ thông của người học. Chúng tôi đặc biệt coi trọng việc rèn luyện để sinh viên khắc phục được những lỗi sau, vì đó mới là thể hiện kỹ năng nghề nghiệp của họ.

Thực tế đào tạo những năm qua cho thấy, sinh viên của ta ra trường tất cả đều nhanh chóng thích nghi được với thực tế cuộc sống và công tác trên mọi lĩnh vực. Đó là kết quả của quy trình đào tạo tổng hợp của các bộ môn, trong đó có sự đóng góp nhất định của bộ môn Dịch chúng tôi.

IV. Một vài kiến nghị

Để thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và chất lượng bộ môn dịch nói riêng, chúng tôi đề nghị:

- Phòng đọc là nơi cung cấp nguồn tư liệu phong phú, cần được bố trí tại nơi thuận lợi nhất của khu giảng đường để thầy giáo và học sinh được thường xuyên tiếp xúc khi cần. Tại phòng đọc, nên có một Ti vi cỡ vừa phía, có lắp ăng ten thu được các kênh truyền hình nước ngoài, nhằm tạo môi trường ngoại ngữ ngay trong những giờ nghỉ của buổi học.

- Mỗi khoa hoặc nhiều nhất là hai khoa được phép sử dụng chung một phòng học tiếng, tất nhiên chỉ là những phòng đủ để thực hiện được chương trình nghe nhìn mà khả năng kinh tế hiện nay của trường cho phép.

- Đối với những sinh viên vì lý do này hay lý do nọ không đảm bảo được giờ học quy định của bộ môn, thì kiên quyết không do dự thi, và phải học lại.